

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MUỜNG LÁT
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2024/HNGĐ-ST

Ngày 25-01-2024

V/v: Tranh chấp ly hôn và
nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MUỜNG LÁT, TỈNH THANH HÓA

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Văn Hào
2. Ông Gia Văn Tính

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Nam – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát tham gia phiên tòa:
Ông Hà Văn Cảnh – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 45/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/12/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Lâu Văn D**, sinh năm 1999

Số CCCD số: 0380990015685; Cấp ngày: 03/4/2019; Nơi cấp: Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Nghề nghiệp: Trồng trọt.

Trú tại: Bản Pha Đén, xã Pù Nhi, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hoá. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Chị **Thao Thị L**, sinh năm 1999

Số CCCD: 038199014962; Cấp ngày: 03/4/2019; Nơi cấp: Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Nghề nghiệp: Trồng trọt.

Trú tại: Bản Pha Đén, xã Pù Nhi, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hoá. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/11/2023; Bản tự khai và quá trình giải quyết, nguyên đơn Lâu Văn D trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Thao Thị L tự do tìm hiểu, yêu đương không bị ai ép buộc, không ai ép buộc ai, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và về chung sống với nhau từ năm 2015, không đăng ký kết hôn. Tháng 01 năm 2022 anh chị phát sinh mâu thuẫn, sau đó đã được gia đình khuyên nhủ nên anh chị đã chung sống hạnh phúc và đến ngày 04/7/2022 đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Pù Nhi, huyện Mường Lát. Từ khi về chung sống với nhau tại bản Pha Đén, xã Pù Nhi, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa thì cuộc sống hòa thuận được một thời gian dài và có 03 con chung. Nhưng đến khoảng đầu năm 2023 trở lại đây, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, luôn bất đồng về quan điểm sống, mỗi người một ý kiến dẫn đến vợ chồng hay xảy ra cãi vã lẫn nhau. Từ khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, đã được gia đình hai bên nội, ngoại và chính quyền địa phương dàn xếp hòa giải nhiều lần, nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không thể cải thiện lại được như xưa. Nay, anh cảm thấy cuộc sống như vậy thật mệt mỏi và bế tắc, anh thấy không còn tình cảm với chị L nữa, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài và anh cũng cảm nhận chị L cũng không còn tình cảm với anh nữa, hiện tại vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2023 cho đến nay. Nguyên vọng của anh là muốn được Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn để giải thoát cho cả hai và yên tâm lo cho cuộc sống riêng của mình. Nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Thao Thị L.

Về con chung: Trong thời gian chung sống và hôn nhân, anh chị có 03 con chung, tên các cháu là: Lâu Thị M, sinh ngày 03/02/2015; Lâu Thị P, sinh ngày 07/4/2016 và cháu Lâu Thị D, sinh ngày 30/12/2017, hiện tại cháu đang phát triển bình thường về thể chất, trí lực và các cháu đang ở với bố. Nguyên vọng của anh là muốn được là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả ba cháu, cho đến khi từng cháu trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh không yêu cầu chị Thao Thị L phải cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh là người dân tộc thiểu số (H'Mông), sống ở vùng có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn, thuộc diện hộ nghèo, nên đề nghị được miễn án phí sơ thẩm.

- Tại bản tự khai đề ngày 11/12/2023 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Thao Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lâu Văn D tự do tìm hiểu, yêu đương không bị ai ép buộc, không ai ép buộc ai, anh chị được gia đình hai bên nội ngoại tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương từ năm 2015 không đăng ký kết hôn. Khi cưới xong, chị và anh D chung sống tại bản Pha Đén, xã Pù Nhi, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Đến ngày 04/7/2022 anh chị đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Pù Nhi, huyện Mường Lát. Thời gian đầu mới chung sống, anh chị sống

hòa thuận được một thời gian dài và có 03 con chung. Đến khoảng đầu năm 2022 trở lại đây vợ chồng anh chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, hay xảy ra cãi vã lẫn nhau, anh chị luôn bất đồng về quan điểm sống, mỗi người một ý kiến, vợ chồng đã sống ly thân, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Nguyên vọng của chị là muốn được Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn để giải thoát cho cả hai và yên tâm lo cho cuộc sống riêng của mình.

Về con chung: Trong thời gian chung sống và hôn nhân, chị và anh D có 03 con chung, tên các cháu là: Lâu Thị M, sinh ngày 03/02/2015; Lâu Thị P, sinh ngày 07/4/2016 và cháu Lâu Thị D, sinh ngày 30/12/2017. Nguyên vọng của chị là muốn được là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lâu Thị M, cho đến khi cháu trưởng thành và chị đồng ý giao cháu Lâu Thị P và cháu Lâu Thị D cho anh Lâu Văn D là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, cho đến khi từng cháu trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản nguyện vọng đề ngày 23/10/2023, cháu Lâu Thị M và cháu Lâu Thị P trình bày: Hiện tại cháu đang ở với bố. Nay bố mẹ cháu mà ly hôn thì cháu có nguyện vọng muốn được ở với bố là Lâu Văn D và tại biên bản ghi ý kiến nguyện vọng đề ngày 25/12/2023 được lấy ghi ý kiến cháu Lâu Thị M tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Mường Lát cùng với sự có mặt của bố, mẹ cháu chứng kiến thì cháu Lâu Thị M trình bày: Hiện tại cháu đang ở với bố. Nay bố mẹ cháu mà ly hôn thì cháu có nguyện vọng muốn được ở với mẹ là Thao Thị L.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Qua xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xét thấy: Anh D và chị L chung sống chưa đúng theo quy định của pháp luật (từ năm 2015), thời gian đầu anh, chị chung sống hạnh phúc, đến tháng 01 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, được gia đình hòa giải nên ngày 04/7/2022 đã đi đăng ký kết hôn theo đúng quy định. Anh chị chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2023 lại phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống và từ đó vợ chồng đã sống ly thân, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được. Thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vợ chồng đã sống ly thân, dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được; Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Lâu Văn D và chị Thao Thị L có 03

con chung, tên các cháu là: Lâu Thị M, sinh ngày 03/02/2015; Lâu Thị P, sinh ngày 07/4/2016 và cháu Lâu Thị D, sinh ngày 30/12/2017, hiện tại các cháu đang ở với bố; Anh Lâu Văn D có nguyện vọng muốn được nuôi cả 03 cháu, chị Thao Thị L có nguyện vọng muốn được nuôi cháu Lâu Thị M, quá trình giải quyết vụ án cháu Lâu Thị M có nguyện vọng muốn được ở với mẹ, các cháu còn lại chưa đủ 07 tuổi nên chưa có bản ghi nguyện vọng. Hơn nữa, chị Thao Thị L và anh Lâu Văn D không ai bị hạn chế về quyền nuôi con, thu nhập, điều kiện sống cơ bản như nhau. Anh Lâu Văn D không yêu cầu chị Thao Thị L cấp dưỡng nuôi con chung, chị Thao Thị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định. Về tài chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị này.

Từ những phân tích trên:

Căn cứ vào các Điều 56, điều 58, điều 81, điều 82, điều 83, Điều 84, Điều 88 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điều 28, điều 35, Điều 40, khoản 4 điều 147, điều 271, điều 273, điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 147, Điều 148 và Điều 278 Bộ luật dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Đề nghị Hội đồng xét xử, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lâu Văn D.

Về Hôn nhân: Xử cho anh Lâu Văn D ly hôn với chị Thao Thị L.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao các cháu: Lâu Thị P, sinh ngày 07/4/2016 và cháu Lâu Thị D, sinh ngày 30/12/2017 cho anh Lâu Văn D là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi từng cháu trưởng thành; Giao cháu Lâu Thị M, sinh ngày 03/02/2015 cho chị Thao Thị L là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành; Không ai được ngăn cản, cản trở anh Lâu Văn D và chị Thao Thị L thăm nom con chung; Anh Lâu Văn D và Thao Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung

Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho anh Lâu Văn D.

Kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Kiến nghị: Trong thời gian tới, đề nghị các cấp chính quyền địa phương, đặc biệt là xã Pù Nhi, cần tuyên truyền sâu rộng Luật Hôn nhân và Gia đình đến đồng bào dân cư, có biện pháp xử lý những trường hợp tảo hôn trên địa bàn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình thì Tòa án nhân dân huyện Mường Lát thuộc thẩm quyền giải quyết. Bởi vì, chị Thao Thị L đang có hộ khẩu

thường trú: Bản Pha Đén, xã Pù Nhi, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa, chị chưa chuyển khẩu hay tạm trú tạm vắng ở nơi khác.

Quá trình giải quyết vụ án vụ án, nguyên đơn là anh Lâu Văn D đã có đơn đề nghị không tiến hành hoà giải. Vì vậy Toà án đã ra thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho các bên đương sự. Tòa án đã tiến hành lập biên bản về kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và biên bản về việc không tiến hành hoà giải được cho các đương sự theo khoản 4 Điều 207 và Điều 210 BLTTDS.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp “Ly hôn và nuôi con chung”. Căn cứ Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự, thì anh Lâu Văn D là Nguyên đơn, chị Thao Thị L là bị đơn.

[3] Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn và bị đơn luôn chấp hành theo sự triệu tập của Tòa án và thực hiện tốt quyền, nghĩa vụ của mình cũng như các quy định khác của pháp luật quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về hôn nhân: Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án; trình bày của nguyên đơn tại đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn và bị đơn, đơn đề nghị xác định mâu thuẫn ở địa phương và quá trình giải quyết vụ án thì: Anh Lâu Văn D và chị Thao Thị L tự do tìm hiểu, yêu đương, được gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương và sống chung với nhau từ năm 2015 không đăng ký kết hôn; đến ngày 04/7/2022 anh D và chị L đã đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Pù Nhi, huyện Mường Lát theo quy định; giai đoạn đầu chung sống, anh chị đã vi phạm luật hôn nhân và gia đình, nhưng thời gian sau không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 điều 28 BLTTDS. Vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian dài, đến khoảng đầu năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm nên hay xảy ra cãi vã, vợ chồng không có tiếng nói chung trong hôn nhân và anh chị đã sống ly thân, hiện tại mỗi người một nơi, không còn qua lại, không quan tâm gì đến nhau, việc này đã được chính quyền xã Pù Nhi, huyện Mường Lát xác nhận tình trạng hôn nhân và nguyên nhân mâu thuẫn. Nay, anh Lâu Văn D nhất quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị Thao Thị L. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị L cũng xác nhận vợ chồng có nhiều mâu thuẫn không hòa giải được, vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Đồng thời, chị L cũng đồng ý ly hôn với anh D. Hội đồng xét xử xét thấy, đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chị Thao Thị L và anh Lâu Văn D có 03 con chung, tên các cháu là: Lâu Thị M, sinh ngày 03/02/2015; Lâu Thị P, sinh ngày 07/4/2016 và cháu Lâu Thị D, sinh ngày 30/12/2017 hiện đang ở với bố. Xét thấy, từ khi vợ chồng sống ly thân, ba cháu đang ở với bố, bản thân cháu Lâu Thị P có nguyện vọng muốn được ở với bố, cháu Lâu Thị D chưa đủ bảy tuổi nên chưa có bản ghi nguyện vọng; Tại biên bản ghi ý kiến nguyện vọng đề ngày 25/12/2023 được lấy ghi ý kiến cháu Lâu Thị M tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Mường Lát cùng với sự có mặt của bố, mẹ cháu chứng kiến thì cháu Lâu Thị M có nguyện vọng muốn được ở với mẹ. Xét thấy, chị Thao Thị L và anh Lâu Văn D không ai bị cấm hoặc hạn chế về quyền nuôi con, nguyện vọng của các cháu cũng là phù hợp, điều kiện hoàn cảnh, môi trường sống, của anh D và chị L là ngang nhau và để chia sẻ gánh nặng cho anh chị về kinh tế, thời gian. Vì vậy, nên chấp nhận yêu cầu của chị Thao Thị L và nguyện vọng của cháu Lâu Thị M, đó là giao cháu là: Lâu Thị M, sinh ngày 03/02/2015 cho chị Thao Thị L là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành. Đối với cháu Lâu Thị P có nguyện vọng được ở với bố, đồng thời chị Thao Thị L cũng đồng ý giao cháu Lâu Thị P và cháu Lâu Thị D cho anh Lâu Văn D được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng hai cháu. Vì vậy, nên chấp nhận một phần về quyền nuôi con của anh D, chấp nhận yêu cầu của chị Thao Thị L và nguyện vọng của cháu Lâu Thị P, đó là giao cháu là: Lâu Thị P, sinh ngày 07/4/2016 và cháu Lâu Thị D, sinh ngày 30/12/2017 cho anh Lâu Văn D là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi từng hai cháu trưởng thành. Anh Lâu Văn D và chị Thao Thị L có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm, cản trở và có quyền làm đơn đề nghị thay đổi nuôi con chung khi có căn cứ của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Lâu Văn D và chị Thao Thị L không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Chấp nhận yêu cầu này của các đương sự.

[6] Về tài sản chung, công nợ chung: Anh Lâu Văn D và chị Thao Thị L không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí: Anh Lâu Văn D và chị Thao Thị L đều là người dân tộc thiểu số “Mông”, sống ở vùng có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn, gia đình thuộc diện hộ nghèo và đã có đơn xin được miễn án phí, nên HĐXX miễn án phí HNGĐ sơ thẩm cho anh Lâu Văn D.

[8] Nhận định khác: Chị Thao Thị L, sinh ngày 04/4/1999 và ngày 03/02/2015 thì chị Thao Thị L đã sinh con là cháu Lâu Thị M lúc này chị Thao Thị L là 15 tuổi 09 tháng 29 ngày, anh Lâu Văn D là 15 tuổi 01 tháng 06 ngày (Anh Lâu Văn D sinh ngày 27/12/1999). Như vậy, anh Lâu Văn D đã có hành vi giao cấu với chị Thao Thị L nhiều lần và dẫn đến có thai khi chị Thao Thị L chưa đủ 16 tuổi dẫn đến sinh cháu Lâu Thị M, sinh ngày 03/02/2015. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 12 và Điều 145 Bộ luật hình sự thì anh Lâu Văn D chưa đủ điều

kiện về chủ thể và tuổi chịu trách nhiệm hình sự (tức là lúc anh Lâu Văn D giao cầu với chị Thao Thị L thì anh D mới 15 tuổi 01 tháng 06 ngày. Nên không đủ căn cứ để xử lý trách nhiệm hình sự đối với anh Lâu Văn D theo quy định tại Điều 145 Bộ luật Hình sự. Nhưng Lâu Văn D và người thân của Lâu Văn D đã có hành vi vi phạm hành chính về hành vi tảo hôn được quy định tại Điều 58 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ “Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tư pháp; hành chính tư pháp; hôn nhân và gia đình; thi hành án dân sự; phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã”.

[9] Kiến nghị: Đề nghị UBND xã Pù Nhi và Công an xã Pù Nhi làm rõ và xử lý theo quy định của pháp luật; Kiến nghị đến UBND xã Pù Nhi, huyện Mường Lát cần phổ biến tuyên truyền pháp luật về hôn nhân gia đình cho người dân, đặc biệt là bộ phận đồng bào là người dân tộc thiểu số tại địa phương.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 68, khoản 4 Điều 147, khoản 4 Điều 207, khoản 3 Điều 210, Điều 227, Điều 228, Điều 273, Điều 278 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 147, Điều 148, Điều 278, Điều 282 và Điều 372 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, điều 58, điều 81, điều 82, điều 83, Điều 84, Điều 88 điều 107, điều 110, điều 115, điều 116, điều 117, điều 118 và điều 119 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Anh Lâu Văn D.

1.1. Về Hôn nhân: Cho anh Lâu Văn D ly hôn với chị Thao Thị L.

1.2. Về nuôi con chung: Chấp nhận một phần yêu cầu của anh Lâu Văn D, đó là: Giao các cháu Lâu Thị P, sinh ngày 07/4/2016 và cháu Lâu Thị D, sinh ngày 30/12/2017 cho anh Lâu Văn D là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi từng cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi); Giao cháu Lâu Thị M, sinh ngày 03/02/2015 cho chị Thao Thị L là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi); Anh Lâu Văn D và chị Thao Thị L có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm cản trở và anh chị đều có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con khi có căn cứ của pháp luật.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu, nên không xem xét.

Chị Thao Thị L và anh Lâu Văn D có quyền làm đơn yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung khi cần thiết và có căn cứ của pháp luật.

1.4. Về tài sản, công nợ chung: Anh Lâu Văn D và chị Thao Thị L không yêu cầu, nên không xét.

2. Về án phí: Miễn án phí HNGĐ sơ thẩm cho anh Lâu Văn D.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Án xử công khai. Vắng mặt nguyên đơn và Vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận bản án hoặc tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV - TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Mường Lát;
- Phòng 9 - VKS nhân dân T. Thanh Hóa;
- Chi cục Thi hành án dân sự H. Mường Lát;
- UBND xã Pù Nhi, H. Mường Lát;
- Công an xã Pù Nhi, huyện Mường Lát;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Tiến Dũng

